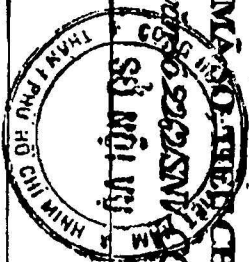


DANH MỤC QUY ĐỊNH MÃ SỐ TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
(Kèm theo Công văn số 222/SNV-ĐCTC ngày 04 tháng 7 năm 2016 của Sở Nội vụ)



Tên, ký hiệu văn bản

Số TT	Chức danh nghề nghiệp viên chức	
1.	Chuyên ngành lưu trữ	Thông tư 13/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 15/12/2014)
2.	Chuyên ngành chăn nuôi và thú y	Thông tư liên tịch 36/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 05/12/2015)
3.	Chuyên ngành chăn nuôi và thú y	Thông tư liên tịch 37/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 20/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chăn nuôi và thú y do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 05/12/2015)
4.	Chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản	Thông tư liên tịch 38/2015/TTLT-BNNPTNT-BNN ngày 20/10/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành kiểm nghiệm thủy sản do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 05/12/2015)
5.	Chuyên ngành dân số	Thông tư liên tịch 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 01/6/2016)
6.	Chuyên ngành dược	Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 20/11/2015)
7.	Chuyên ngành khoa học và công nghệ	Thông tư liên tịch 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 01/12/2014)
8.	Chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn	Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 01/02/2016)
9.	Chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường	Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường do Bộ



		trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 01/02/2016)
10.	Chuyên ngành địa chính	Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 01/02/2016)
	Chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường	Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 01/02/2016)
11.	Chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn	Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường – Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 01/02/2016)
12.	Giáo viên mầm non	Thông tư liên tịch 20/2015/TTLT-BGDDĐT-BNV ngày 14/09/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 01/11/2015)
13.	Giáo viên tiểu học công lập	Thông tư liên tịch 21/2015/TTLT-BGDDĐT-BNV ngày 16/09/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 03/11/2015)
14.	Giáo viên trung học cơ sở công lập	Thông tư liên tịch 22/2015/TTLT-BGDDĐT-BNV ngày 16/09/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 03/11/2015)
15.	Chuyên ngành Giáo viên trung học phổ thông công lập	Thông tư liên tịch 23/2015/TTLT-BGDDĐT-BNV ngày 16/09/2015 về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 03/11/2015)
16.	Viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục Đại học công lập	Thông tư liên tịch 36/2014/TTLT-BGDDĐT-BNV ngày 28/11/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục đại học công lập do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo – Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 01/02/2015)
17.	Bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ	Thông tư liên tịch 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ do Bộ trưởng Bộ Y tế – Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 16/07/2015)
18.	Điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y do Bộ trưởng Bộ Y tế – Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 20/11/2015)

19.	Dinh dưỡng	Thông tư liên tịch 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 20/11/2015)
20.	Y tế công cộng	Thông tư liên tịch 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/05/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực ngày 16/07/2015)
21.	Chuyên ngành công tác xã hội	Thông tư liên tịch 30/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 19/08/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công tác xã hội do Bộ trưởng Bộ Lao động thương binh và Xã hội - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 04/10/2015)
22.	Chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động	Thông tư liên tịch 35/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV (16/09/2015) về Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm định kỹ thuật an toàn lao động do Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 31/10/2015)
23.	Chuyên ngành di sản văn hóa	Thông tư liên tịch 09/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 11/3/2016)
24.	Chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh	Thông tư liên tịch 10/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11/12/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 11/3/2016)
25.	Chuyên ngành Thể dục Thể thao	Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17/10/2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 15/12/2014)
26.	Chuyên ngành thư viện	Thông tư liên tịch 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/05/2015 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện do Bộ trưởng Bộ Văn hóa thể thao và du lịch - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 15/07/2015)
27.	Chuyên ngành thông tin truyền thông	Thông tư liên tịch 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 07/4/2016 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành biên tập viên, phóng viên, biên dịch viên và đào diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin truyền thông do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Nội vụ ban hành (hiệu lực 25/5/2016)

SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH